

**BỘ THƯƠNG MẠI****QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 1836/2004/QĐ-BTM ngày 09/12/2004 ban hành Danh mục hàng hóa trọng điểm và Danh mục thị trường trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia năm 2005.****BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

*Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2002/NQ-CP ngày 24/4/2002 của Chính phủ về một số giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002;*

*Căn cứ Quyết định số 104/2003/QĐ-BTM ngày 24/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quy chế xây dựng và quản lý chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này các Danh mục:

- Danh mục A: Hàng hóa trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia năm 2005.

- Danh mục B: Thị trường trọng điểm xúc tiến thương mại quốc gia năm 2005.

**Điều 2.** Các chương trình xúc tiến thương mại năm 2005 do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các Hiệp hội ngành hàng, các Tổng Công ty ngành hàng đề xuất, đáp ứng các quy định tại Quy chế xây dựng và quản lý Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 104/2003/QĐ-BTM ngày 24/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và thuộc các danh mục hàng hóa trọng điểm, thị trường trọng điểm theo trình tự kết hợp sau đây sẽ được Bộ Thương mại ưu tiên thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- Xuất khẩu các hàng hóa trọng điểm (Danh mục A) vào thị trường trọng điểm (Danh mục B);

- Xuất khẩu các hàng hóa trọng điểm (Danh mục A) vào các thị trường khác (các thị trường ngoài Danh mục B);

- Xuất khẩu tất cả các hàng hóa, kể cả những hàng hóa không thuộc Danh mục A vào các nước thuộc Danh mục B.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

*Thủ trưởng*

**Lương Văn Tự**

## DANH MỤC A

HÀNG HÓA TRỌNG ĐIỂM XÚC  
TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC  
GIA NĂM 2005

*(ban hành kèm theo Quyết định  
số 1836/2004/QĐ-BTM ngày  
09/12/2004 của Bộ trưởng  
Bộ Thương mại).*

1. Thủy sản
2. Gạo
3. Chè
4. Cà phê
5. Cao su và sản phẩm cao su
6. Hạt tiêu
7. Hạt điều
8. Rau, quả và rau quả chế biến
9. Hàng dệt may
10. Giấy dếp
11. Sản phẩm gỗ
12. Hàng thủ công mỹ nghệ
13. Hàng điện, điện tử, tin học (bao gồm cả phần mềm)
14. Sản phẩm nhựa
15. Sản phẩm cơ khí
16. Thịt lợn, thực phẩm chế biến
17. Vật liệu, gốm sứ xây dựng
18. Mặt hàng khác: mặt hàng mới xuất khẩu lần đầu; mặt hàng xuất khẩu sau một thời gian gián đoạn; mặt hàng chỉ xuất khẩu không tiêu thụ được trong nước hoặc chỉ xuất khẩu được cho một nước, cần mở rộng xuất sang nước khác; mặt hàng đặc biệt đột xuất sẽ được công bố bổ sung.

## DANH MỤC B

THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM XÚC  
TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC  
GIA NĂM 2005

*(ban hành kèm theo Quyết định  
số 1836/2004/QĐ-BTM ngày  
09/12/2004 của Bộ trưởng  
Bộ Thương mại).*

1. Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương
  - Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông)
  - Hàn Quốc
  - Nhật Bản
  - Australia và New Zealand
  - Đài Loan
  - Các nước Asean
  - Mông Cổ.
2. Thị trường Châu Âu
  - EU
  - Các nước SNG
  - Các nước thuộc Nam Tư cũ.
3. Thị trường Châu Mỹ
  - Mỹ
  - Canada, Mêhicô
  - Braxin, Chilê
  - Archentina.
4. Thị trường Châu Phi - Tây Nam Á
  - Nam Phi
  - Ai Cập
  - Pakistan
  - Ả-rập Xêút

- Ấn Độ
- Angiêri
- Kênya
- I-rắc.

5. Các thị trường mới hoặc thị trường đặc biệt đột xuất sẽ được công bố bổ sung.

*Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản trị và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1534/2004/QĐ-NHNN ngày 02/12/2004 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Quản trị.**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Quản trị".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 136/1999/QĐ-NHNN9 ngày 16/5/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Cục Quản trị và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản trị, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC**

**Lê Đức Thúy**